

Thực trạng khó khăn tâm lý của nạn nhân là trẻ em trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em phục vụ hoạt động trợ giúp tâm lý

Dương Thị Như Nguyệt*; Phạm Quang Trung*, Đỗ Minh Quân**, Vũ Đình Phương***

*TS. Học viện Cảnh sát nhân dân; ** B8C-D46; *** B2A-D46

Received: 12/3/2024; Accepted: 18/3/2024; Published: 29/3/2024

Abstract: Currently, the situation of child sexual abuse is becoming increasingly complex, severe, and prevalent, causing outrage in public opinion and leaving significant consequences for society. Child sexual abuse results in extremely heavy and enduring consequences, particularly in terms of serious physical, psychological, and behavioral harm to children. Researching the psychological difficulties of sexually abused children will help us better understand the prevalence and severity of their psychological struggles, as well as the factors influencing their reintegration into society.

Keywords: Psychological difficulties, child sexual abuse, psychological

1. Đặt vấn đề

Xâm hại tình dục trẻ em để lại hậu quả hết sức nặng nề, dai dẳng, đặc biệt việc xâm hại tình dục gây tổn thương nghiêm trọng đến thể chất, tinh thần và hành vi của trẻ. Thậm chí nhiều trường hợp làm trẻ bị từ vong hoặc khiến trẻ bị trầm cảm dẫn đến hành vi tự ngược đãi bản thân, tự làm tổn thương bản thân hay thậm chí tự tử. Điều này trở thành nỗi ám ảnh dai dẳng trong suốt cuộc đời các nạn nhân và còn có thể là nguyên nhân khi các nạn nhân trở thành hung thủ gây ra các vụ án xâm hại tình dục sau này đối với người khác. Việc nghiên cứu khó khăn tâm lý trẻ em bị xâm hại tình dục sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn về thực trạng biểu hiện và mức độ khó khăn tâm lý của trẻ bị xâm hại tình dục từ đó đề ra giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp tâm lý.

2. Thực trạng khó khăn tâm lý của nạn nhân là trẻ em trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em phục vụ hoạt động trợ giúp tâm lý

2.1. Phân nạn về cơ thể/ Tổn thương về thể chất

Thể chất và tâm lý có mối quan hệ biện chứng với nhau. Rõ ràng khi thể chất có sự thay đổi theo hướng tiêu cực thì không thể tránh khỏi hệ lụy kéo theo là những khó khăn tâm lý đi kèm, chúng tôi đã đặt ra

câu hỏi: “Em cảm thấy cơ thể của mình có sự thay đổi như thế nào?”. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2.1. Mức độ phân nạn cơ thể biểu hiện qua hành vi của trẻ (%)

Biểu hiện	Có biểu hiện				ĐTB	ĐLC
	Hoàn toàn không đúng	Một phần đúng	Phần lớn đúng	Hoàn toàn đúng		
1. Em cảm thấy quá mệt mỏi mà không có lý do chính đáng	3,8%	34,0%	54,7%	7,5%	2,66	0,68
2. Em có thể làm được một số việc tốt hơn các bạn khác	5,7%	75,4%	17,0%	1,9%	2,15	0,53
3. Khi gặp những sự việc gây ám ảnh em sẽ trở nên hoảng loạn, sợ hãi, tay chân run rẩy, ra nhiều mồ hôi, tim đập nhanh.	3,8%	15,1%	73,6%	7,5%	2,84	0,59
4. Nỗi buồn hoặc các biểu hiện ở da mà chưa rõ nguyên nhân	7,5%	73,6%	15,1%	3,8%	2,15	0,59
5. Em không thể tập trung và trí nhớ bị suy giảm	7,5%	47,2%	43,4%	1,9%	2,4	0,66
6. Em thấy đau nhức trong cơ thể mà chưa rõ nguyên nhân	7,5%	71,7%	18,9%	1,9%	2,15	0,57
7. Em có các cơn ác mộng	1,9%	3,8%	37,7%	56,6%	3,5	0,67

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy: Xếp thứ nhất về mức độ tổn thương của các em về thể chất đó là “Em có các cơn ác mộng” (ĐTB= 3,5). Tiếp theo là “khi gặp những sự việc gây ám ảnh tôi nghĩ mình sẽ trở nên hoảng loạn, sợ hãi, tay chân run rẩy, ra nhiều mồ hôi, tim đập nhanh” (ĐTB=2,84). Xếp thứ ba sau đó là “Em cảm thấy quá mệt mỏi mà không có lý do chính đáng” (ĐTB=2,66). Qua đó cho thấy rằng đa số các trẻ em bị xâm hại tình dục đều mang trên mình một hoặc nhiều thương tích, nhỏ hoặc lớn, nông hoặc

sâu trên cơ thể. Từ những khía cạnh nêu trên cho chúng ta thấy, quan tâm tới sức khỏe thể chất của các em có ý nghĩa quan trọng trong việc hồi phục và phát triển tâm lý. Thể chất quyết định sự ổn định từ các bộ phận trên cơ thể và từ đó giúp cho các em có được tâm lý thoải mái và ngược lại tâm lý ổn định sẽ là điều kiện tiên quyết giúp phát triển thể chất.

2.2. Vấn đề xã hội/ Kỹ năng thiết lập mối quan hệ xã hội

Đa số trẻ em khi bị xâm hại tình dục đều bị bị khó khăn trong thiết lập các mối quan hệ xã hội, có tới 37% số SV ở mức nặng với ĐTB=3,0, trong khi khá nặng là 33,8%, chỉ có 10,2% số trẻ không bị khó khăn:

Biểu đồ 2.1. Mức độ khó khăn trong thiết lập mối quan hệ xã hội của phụ nữ là nạn nhân của xâm hại tình dục trẻ em

Với câu hỏi: “Em gặp những vấn đề về kỹ năng thiết lập mối quan hệ xã hội như thế nào ?” thu được kết quả như sau:

Bảng 2.2. Biểu hiện mức độ khó khăn trong thiết lập mối quan hệ xã hội của trẻ em là nạn nhân của xâm hại tình dục trẻ em

Biểu hiện	Hoàn toàn không đúng	Một phần đúng	Phần lớn đúng	Hoàn toàn đúng	ĐTB	ĐLC
1. Em quá phụ thuộc vào người lớn	1,9%	20,8%	49,1%	28,2%	3,04	0,76
2. Em cảm thấy cô đơn	1,9%	5,7%	37,7%	54,7%	3,45	0,69
3. Em không hoà nhập được với bạn khác	3,8%	3,8%	7,5%	84,9%	3,74	0,71
4. Em dễ ghen tị	1,9%	3,8%	60,3%	34,0%	3,26	0,62
5. Em nghĩ rằng người khác muốn làm hại mình	5,7%	50,9%	37,7%	5,7%	2,43	0,69
6. Em thường hay bị thương hoặc vấp ngã	7,5%	73,6%	15,1%	3,8%	2,15	0,60
7. Em thường hay bị trêu chọc	1,9%	3,8%	37,7%	56,6%	3,5	0,67
8. Em không được các bạn khác thích	0,0%	3,8%	28,3%	67,9%	3,64	0,56
9. Em cho rằng ở một mình là an toàn nhất	1,9%	5,7%	60,4%	32,0%	3,22	0,64
10. Em có khó khăn về nói	75,5%	18,8%	3,8%	1,9%	1,32	0,64

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy: nạn nhân là trẻ em bị xâm hại tình dục có các triệu chứng “Em không hoà nhập được với bạn khác” (ĐTB=3,74), tiếp theo là “Em không được các bạn khác thích” (ĐTB=3,64). Xếp thứ ba là “Em thường hay bị trêu

chọc” (ĐTB=3,5). Các biểu hiện về vấn đề xã hội đều ở mức cao hơn hẳn so với những nhóm biểu hiện khác. Điều đó cho thấy rằng các em bị tổn thương trong khi phát triển các kỹ năng giao tiếp với xã hội ở mức nghiêm trọng, không thể thiết lập tình bạn hay hoa đồng với mọi người xung quanh. Con đường đến trường của các em cũng chẳng dễ dàng hơn

2.3 Vấn đề với suy nghĩ

Nhận thức là chìa khóa để thay đổi suy nghĩ. Vậy nên, mỗi lần bị suy nghĩ quá nhiều, cơ thể lại học cách phản hồi lại những suy nghĩ đó. Qua khảo sát thu được bảng sau:

Bảng 2.3. Biểu hiện các vấn đề với suy nghĩ của trẻ em bị xâm hại tình dục (%)

Triệu chứng	Hoàn toàn không đúng	Một phần đúng	Phần lớn đúng	Hoàn toàn đúng	ĐTB	ĐLC
1. Em không thể dứt bỏ được những ý nghĩ của mình về một điều nào đó, bị ám ảnh (mô tả)	3,8%	3,8%	26,4%	66,0%	3,55	0,75
2. Em nghĩ quá nhiều về tình dục	5,7%	50,9%	37,7%	5,7%	2,43	0,69
3. Em nghe những âm thanh hoặc tiếng nói mà người khác không nghe (mô tả)	3,8%	45,3%	37,7%	13,2%	2,60	0,77
4. Em cay da, rứt da (mô tả)	32,1%	56,6%	7,5%	3,8%	1,83	0,73
5. Em lặp đi lặp lại một số hành động mà không cưỡng lại được (mô tả)	45,3%	47,2%	5,7%	1,9%	1,64	0,68
6. Em nhìn thấy sự vật không có thực (thật) (mô tả)	28,3%	62,3%	3,8%	5,7%	1,87	0,73
7. Em làm những việc mà người ta cho là kỳ cục (mô tả)	75,5%	18,9%	3,8%	1,9%	1,32	0,64
8. Em có những ý nghĩ mà người ta cho là kỳ quặc (mô tả)	3,8%	50,9%	35,8%	9,4%	2,51	0,72

Các triệu chứng vấn đề với suy nghĩ của trẻ em bị xâm hại tình dục khá rõ rệt, điển hình nhất là các em cảm thấy “Em không thể dứt bỏ được những ý nghĩ của mình về một điều nào đó, bị ám ảnh” (ĐTB = 3,55). Trao đổi thực tế, các em đã chỉ ra rằng, tình trạng mà các em coi là “phải suy nghĩ” bao gồm những ký ức, hình ảnh liên quan đến thời gian bị xâm hại tình dục thường xuyên tái hiện lặp đi lặp lại trong đầu, khó có thể dứt ra được. Triệu chứng phổ biến tiếp theo là “Em nghe những âm thanh hoặc tiếng

nói mà người khác không nghe” (ĐTB = 2,60); “Em có những ý nghĩ mà người ta cho là kỳ quặc” (ĐTB = 2,51). Các em chia sẻ, những kí những hình ảnh và âm thanh hiện về chủ yếu là tiếng la hét, cầu cứu, đôi khi cả tiếng chửi bới, tiếng đánh đập.

3. Kết luận

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu thực trạng mức độ khó khăn tâm lý của nạn nhân là trẻ em trong các vụ án xâm hại tình dục cho thấy: Phần lớn nạn nhân trong các vụ án xâm hại tình dục trẻ em phải chịu những khó khăn tâm lý nhất định về các mặt: thể chất, vấn đề với suy nghĩ cùng với đó là những trở ngại tâm lý khi thiết lập mối quan hệ xã hội. Trong đó họ thường xuyên phải gánh chịu những rào cản tâm lý từ những định kiến, phân biệt đối xử của người thân, gia đình, bạn bè, hàng xóm và nhiều mối quan hệ xã hội. Bởi vậy, nghiên cứu vấn đề này có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nắm bắt tâm lý của các em từng bước hỗ trợ các em trở về hoà nhập với cộng đồng, phục vụ cho hoạt động trợ giúp tâm lý ngăn chặn những câu chuyện đau lòng hay những biểu hiện lệch lạc của trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Allan John Kemboi trong nghiên cứu

(Relationship between child abuse and academic performance in five selected Primary School in Suguta Zone of Samburu County) (2013), *Mối quan hệ giữa lạm dụng trẻ em và kết quả học tập ở năm trường Tiểu học được chọn ở Khu Suguta của Quận Samburu.*

2. Craighead, W.E & Nemeroff, C.B, (2004), *The concise Corsini encyclopedia of psychology and behavioural science.3rd edition, John Wiley & Sons: New York* (Từ điển bách khoa toàn thư Corsini ngắn gọn về tâm lý học khoa học hành vi. Ấn bản lần thứ 3 – John Wiley & Sons: New York).

3. Lê Thị Linh Chi (2007). *Nhận thức, hành vi của trẻ em đường phố đối với những nguy cơ và hành vi xâm hại tình dục trẻ em* (Qua khảo sát tại Huế và Hà Nội).

4. Walsh, K., Brandon và L., & Chirio, L. (2012) *Giao tiếp giữa mẹ và con về phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em* (Mother-child communication about sexual abuse prevention).

5. Phạm Thị Thủy (2017). Tác phẩm *Cẩm nang phòng tránh xâm hại cho con – cha mẹ cần biết trước khi quá muộn!*.

Giáo dục khởi nghiệp cho sinh viên (tiếp theo trang 293)

- Phát Triển Kỹ Năng Doanh Nghiệp Học sinh có thể học cách quảng bá và tiếp thị ngôn ngữ của họ thông qua các dự án quảng cáo hay viết kịch bản. Điều này giúp họ phát triển kỹ năng quan trọng trong lĩnh vực kinh doanh.

- Học Từ Cộng Đồng: Giáo dục khởi nghiệp có thể khuyến khích việc học từ cộng đồng người học và giảng viên. Sinh viên có thể xây dựng cộng đồng trực tuyến để hỗ trợ và chia sẻ kiến thức về ngôn ngữ.

- Challenges và Cuộc Thi: Tổ chức các cuộc thi sáng tạo, thách thức về ngôn ngữ để khuyến khích sinh viên tìm kiếm giải pháp độc đáo và sáng tạo.

Bằng cách tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào giảng dạy ngoại ngữ, người học có thể không chỉ nâng cao kỹ năng ngôn ngữ mà còn phát triển tư duy sáng tạo và kỹ năng quản lý doanh nghiệp.

3. Kết luận

Tóm lại, có thể nhấn mạnh sự quan trọng của việc tích hợp giáo dục khởi nghiệp vào quá trình giảng dạy ngoại ngữ. Việc này không chỉ giúp sinh viên nắm vững ngôn ngữ một cách sâu sắc mà còn khuyến khích sự sáng tạo, tư duy đổi mới, và phát triển các kỹ

năng quan trọng. Giáo dục khởi nghiệp không chỉ là một cách để học ngôn ngữ mà còn là một hành trình thú vị và ý nghĩa, giúp hình thành tinh thần doanh nhân và khởi sự nghiệp xã hội. Chúng ta không chỉ học ngôn ngữ từ sách giáo trình mà còn từ những dự án thực tế, từ sự sáng tạo trong việc thiết kế bài giảng, và từ việc tương tác với cộng đồng người học. Với giáo dục khởi nghiệp, quá trình học ngoại ngữ trở nên phong phú, ý nghĩa hơn, và đồng thời chuẩn bị cho sinh viên một tương lai mạnh mẽ và sáng tạo.

Tài liệu tham khảo

1. Araski, Z. (2012). A Study of Teaching Methods in Entrepreneurship Education for Graduate Students.

2. Sagar, H. (2015). Entrepreneurial Schools: Part 2 – Entrepreneurial learning environments and a changed role of teachers. Sweden: Organization for Economic Cooperation and Development.

3. UNESCO Office Bangkok and Regional Bureau for Education in Education in Asia and the Pacific (2012).